

Số: **05/2023/QĐST-HNGĐ**

Sơn Dương, ngày 03 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 550/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lý Thị Đ**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Bàn Văn D**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn M. – chức vụ: Giám đốc

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa: Chị Lý Thị Đ. và anh Bàn Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lý Thị Đ. và anh Bàn Văn D. xác định cháu Bàn Văn H, sinh ngày 08/08/1998 đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết.

Giao cháu Bàn Văn K, sinh ngày 01/03/2011 cho anh Bàn Văn D. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lý Thị Đ. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi

tháng là 1.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Chị Lý Thị Đ. được quyền nghĩa vụ đi lại thăm non con chung mà không ai cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày anh Bàn Văn D. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản, đất đai chung chung: Chị Lý Thị Đ. và anh Bàn Văn D. cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh Bàn Văn D. có trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S, số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc trên theo thỏa thuận tại sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ ngày 12/6/2022 đã ký giữa ngân hàng với anh Bàn Văn D. Chị Lý Thị Đ. không phải trả nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí: Chị Lý Thị Đ. và anh Bàn Văn D. thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chị Đ. được miễn nộp khoản tiền án phí cấp dưỡng, anh D. được miễn khoản tiền án phí về vay nợ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T. (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến